TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:404/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 09/8/2018
V/ v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Ngọc Hạnh.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Châu Vũ Bình.

2. Ông Nguyễn Văn Vẹn.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đặng Thị Thanh Trinh** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- Đại diệnViện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Bà **Đinh Thị Tuyết Hằng**- Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 8 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 201/2018/TLST-HNGĐ ngày 17/4/2018 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2018/QĐXX-ST ngày 10/7/2018 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông Bùi Đức N, sinh năm: 1983 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh T.

* Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1987 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản khai và tại Tòa hôm nay, ông Bùi Đức N trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị H là vợ chồng có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc nhưng đến khoảng năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, bà H có tình cảm với người khác nên ông bà ly thân từ khoảng tháng 10/2017 đến nay. Nay ông yêu cầu được ly hôn với bà H.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Bùi Thị Diễm H, sinh ngày 03/11/2007 và Bùi Minh N, sinh ngày: 14/11/2012. Khi ly hôn, ông N yêu cầu được nuôi hai cháu không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: ông trình bày không có.

Quá trình tố tụng, Toà án nhân dân huyện C đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng qui định nhưng bà Nguyễn Thị H không nộp bản tự khai hoặc các

văn bản thể hiện ý chí của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, đồng thời bà H cũng vắng mặt tại các phiên hòa giải. Tại phiên toà hôm nay, bà H cũng vắng mặt.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên toà có ý kiến phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử, Thẩm phán và Thư ký chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đối với bị đơn không có mặt theo các văn bản tố tụng triệu tập của Tòa án nên bị đơn chưa tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, xét thấy việc ông Bùi Đức N xin ly hôn với bà Nguyễn Thị H là có cơ sở, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp " Ly hôn", thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện C.

[2] Về quan hệ hôn nhân: ông Bùi Đức N và bà Nguyễn Thị H là vợ chồng, được Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh T cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[3]Về thực trạng hôn nhân: Quá trình tố tụng và tại Toà ông N trình bày mâu thuẫn giữa vợ chồng ông bà xuất phát từ việc các bên bất đồng quan điểm trầm trọng, hiện tình cảm vợ chồng không còn, bà H có tình cảm với người khác, ông bà đã ly thân từ khoảng tháng 10/2017 đến nay nên không còn cơ hội hàn gắn.

[4] Về các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ, ý kiến trình bày, tranh luận của đương sự và căn cứ giải quyết vụ án: Quá trình tố tụng, Toà án nhân dân huyện C đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng qui định nhưng bà Nguyễn Thị H không nộp bản tự khai hoặc các văn bản thể hiện ý chí của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, đồng thời bà H cũng vắng mặt tại các phiên hòa giải. Tại phiên toà hôm nay, bà H cũng vắng mặt. Do đó việc ông N yêu cầu ly hôn là có cơ sở chấp nhận.

- Con chung: việc ông N yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Bùi Thị Diễm H và cháu Bùi Minh N, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con là sự tự nguyện của ông, phù hợp với thực tế, phù hợp với nguyện vọng con chung, không trái với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Tài sản chung và nợ chung: ông N cam kết không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về Điều luật áp dụng: áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố

tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Nhận định ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Tại Tòa, đại diện Viện kiểm sát có ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, đối với bị đơn không có mặt theo các văn bản tố tụng triệu tập của Tòa án nên bị đơn chưa tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Về án phí: ông Nhân phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo qui định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu của ông Bùi Đức N.

1/ Về quan hệ hôn nhân: ông Bùi Đức N được ly hôn với bà Nguyễn Thị H.

2/ Về con chung:

+ Giao các cháu Bùi Thị Diễm H, sinh ngày 03/11/2007 và Bùi Minh N, sinh ngày: 14/11/2012 cho ông Bùi Đức N trực tiếp nuôi dưỡng.

+ Ghi nhận ông Bùi Đức N không yêu cầu bà Nguyễn Thị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Nguyễn Thị H được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: không có.

4/ Về án phí: Ông Bùi Đức N phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Ông đã nộp 300.000 đồng theo biên lai 0014504 ngày 17/4/2018 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện C, xem như đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ông Bùi Đức N có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án, bà Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15

ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh T xét xử theo trình tự phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh T.
- VKS nhân dân huyện C.
- Cơ quan Thi hành án dân sự huyện C.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn.

Trần Ngọc Hạnh